

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :308

Sang : Bánh canh thớt nam mướp bắp cà rốt
su su
Sữa grow
Trữa : Cơm gạo kho cà rốt nam
Choi, la: canh gà chiên nộm mắm.
Canh chua rau muống tôm khô thớt heo nạc
Món luộc: nẫu nẫu
Xe: bánh flan
Xe chiều: Cháo thớt tôm tươi rau ngọt

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37031				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (mười)	1,000	1,060	10,600
2	Tôm biền	2,300	34,970	804,310
3	Tôm khô	200	78,100	156,200
4	Nộm mắm Cà (loại 1)	1,000	8,800	88,000
5	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
6	Nông cat	1,000	3,880	38,800
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Gừng tươi	300	8,090	24,270
9	Gạo tẻ may	22,000	2,630	578,600
10	Ngo (bắp) tươi	1,000	4,200	42,000
11	Hành lá	1,200	6,300	75,600
12	Hành củ tươi	1,000	5,780	57,800
13	Cà rốt	4,000	5,460	218,400
14	Nam rôm	1,500	13,130	196,950
15	Mướp	2,000	3,990	79,800
16	Rau ngọt	1,500	5,780	86,700
17	Rau muống	6,400	3,990	255,360
18	Su su	500	3,050	15,250
19	Nẫu nẫu	3,000	3,990	119,700
20	Bánh flan	30,800	6,770	2,085,160
21	Bánh canh	20,000	2,200	440,000
22	Thớt gà loại 2	20,500	12,810	2,626,050
23	Thớt gà loại 1	4,000	12,920	516,800
24	Thớt nạc dăm	7,000	17,960	1,257,200
25	Quat chín (cà vò)	1,500	4,730	70,950
Cong				10,134,400
	*XUẤT KHO			
26	Sữa bột Abbott Grow	6,200	20,500	1,271,000
Cong				1,271,000
Tổng tiền thức phẩm				11,405,400 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11396000(đ)
Số dư đầu ngày				0(đ)
Số dư cuối ngày				-9400(đ)
Xuất ăn lũy kế từ đầu tháng				
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng				